

Bản án số: 21/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 28-4-2025

V/v: “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG TP ĐÀ NẴNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đinh Bạt Hào**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Lê Thị Hoàng Thương**

Ông **Cao Văn Truyền**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Ly** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang tham gia phiên Tòa: ông **Nguyễn Duy Linh** – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 33/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2025, về việc: “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28/3/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2025/QĐST-HNGĐ ngày 14/4/2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** bà **Võ Thị L**, sinh năm 1993; Nơi cư trú: thôn Y, xã H, huyện H, TP Đà Nẵng, có mặt.

- **Bị đơn:** ông **Nguyễn Công T**, sinh năm 1992; Nơi cư trú: tổ A, thôn G, xã H, huyện H, TP Đà Nẵng, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/02/2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Võ Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: bà và ông T đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại UBND xã H, huyện H, TP Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do tính tình không hợp, mỗi người có một quan điểm sống khác nhau do đó hai vợ chồng thường xuyên cãi vã. Gia đình hai bên đã cố gắng hòa giải nhưng tình trạng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không cải thiện. Hai vợ chồng sống ly thân đã sáu năm nay, không có trách nhiệm gì với nhau. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin được ly hôn ông T.

- Về con chung: bà và ông T có 01 con chung Nguyễn Võ Anh T1, sinh ngày 17/9/2012. Ly hôn bà đồng ý giao con chung cho ông T nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000đ.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

*** Bị đơn ông Nguyễn Công T trình bày ý kiến:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông xác nhận về thời gian và địa điểm kết hôn như bà L trình bày là đúng, ông và bà L kết hôn với nhau vào năm 2012 có đăng ký kết hôn UBND xã H, huyện H. Sau thời gian sinh sống thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bà L có người đàn ông khác. Do đó bà L bỏ nhà đi từ năm 2019 đến nay, vợ chồng không có trách nhiệm gì với nhau. Nay bà L xin ly hôn ông đồng ý ly hôn.

- Về con chung: ông và bà L có 01 con chung Nguyễn Võ Anh T1, sinh ngày 17/9/2012. Ly hôn ông xin nhận nuôi con và yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000đ, vì từ khi bà L bỏ đi thì con sống chung với ông.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Vì lý do sức khỏe ông không đi lại được nên ông đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang phát biểu ý kiến:** Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật, riêng bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; các điều 147, 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án.

- Chấp nhận đơn khởi kiện về việc: “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” của bà Võ Thị L đối với ông Nguyễn Công T;

- **Về hôn nhân:** bà Võ Thị L được ly hôn ông Nguyễn Công T.

- **Về nuôi con chung:** Giao con Nguyễn Võ Anh T1, sinh ngày 17/9/2012 cho ông Nguyễn Công T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Võ Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000đ, thời gian cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- **Về tài sản chung, nợ chung:** Không đề cập đến.

- **Về án phí:** bà L phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện của bà Lê Thị L1 nộp tại Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, TP . và Tòa án đã thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 28; Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn, ông Nguyễn Công T vắng mặt, tuy nhiên ông có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt ông vì ông bị đau chân không đi lại được. Căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Công T theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Võ Thị L và ông Nguyễn Công T kết hôn vào năm 2012 có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, TP Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2.1] Về hôn nhân: bà Võ Thị L cho rằng, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, mỗi người có một quan điểm sống khác nhau vì vậy hai vợ chồng thường xuyên cãi vã. Hai vợ chồng hiện nay sống ly thân, không có trách nhiệm gì với nhau. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T. Ông T cũng thống nhất ý kiến trình bày của bà L và cũng đồng ý ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng bà L và ông T đã đến mức không thể hàn gắn được. Kể từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải cho hai vợ chồng đoàn tụ, cho vợ chồng một thời gian để đưa ra phương án hàn gắn, níu kéo tình cảm vợ chồng nhưng ông T đều vắng mặt, tuy nhiên ông có bản khai thống nhất ly hôn. Điều đó chứng tỏ ông T cũng không có thiện chí níu kéo mối quan hệ hôn nhân của mình. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà L và ông T đã trầm trọng, hai vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX xét thấy cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho bà Võ Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Công T là thỏa đáng.

[2.2] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung Nguyễn Võ Anh T1, sinh ngày 17/9/2012. Ly hôn, hai bên thống nhất giao con cho ông T nuôi dưỡng, bà L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. HĐXX xét thấy việc thỏa thuận nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của bà L và ông T là hoàn tự nguyện, không có tranh chấp do đó cần giao con cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng và bà L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung: bà L và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đề cập đến.

[2.4] Về nợ chung: Không có

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con: Bà Võ Thị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; các điều 147, 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án.

- Chấp nhận đơn khởi kiện về việc: “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” của bà Võ Thị L đối với ông Nguyễn Công T;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: bà Võ Thị L được ly hôn ông Nguyễn Công T.

2. Về nuôi con chung: Giao con Nguyễn Võ Anh T1, sinh ngày 17/9/2012 cho ông Nguyễn Công T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Võ Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000đ, thời gian cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Ly hôn, các bên có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đề cập đến.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ bà Võ Thị L phải chịu. Nhưng được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008410 ngày 12/02/2025, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng. Bà L đã nộp đủ án phí.

- Bà Võ Thị L phải chịu 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang,
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Hòa Châu, huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

Đinh Bạt Hào